TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10-2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Khảnh.

2. Ông Nguyễn Bá Tòng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Huỳnh Tứ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Như N, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: khu phố H, phường HV, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

2. Bị đơn: ông Bùi Văn T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: khu phố H, phường HV, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2022, tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Nguyên và bị đơn ông Bùi Văn T thống nhất trình bày:

1. Về hôn nhân: bà Nguyên và ông T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, Đông Hoà theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, cấp ngày 09/7/2013.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Kha Ly, sinh ngày 27/3/2014 và Bùi Gia Khánh, sinh ngày 05/01/2017.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Như N trình bày: Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc thì đến năm 2014 (lúc bà N sinh con đầu), ông T đã ngoại tình với người phụ nữ khác, sau đó ông T xin lỗi và quay trở về sống với vợ con. Năm 2017, khi bà N sinh con thứ hai thì ông T vẫn tính nào tật đó, lại tiếp tục quay

lại và ngoại tình với chính người phụ nữ đó, bà N vẫn tha thứ để ông T có cơ hội sửa đổi; nhưng ông T không thay đổi, vẫn đi ngoại tình. Và đỉnh điểm vào năm 2021 – 2022, ông T đã nói "không còn thương yêu gì bà nữa, bà tự lo cuộc sống riêng đi". Vì con, bà N đã cố gắng chịu đựng nhưng nay ông T không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm vợ con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xin được ly hôn ông Bùi Văn T.

Sau ly hôn, bà N xin được yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Bùi Nguyễn Kha L, Bùi Gia K. Bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng).

Ông Bùi Văn T trình bày: từ khi kết hôn đến nay, ông T và bà N không có tiếng nói chung, hai vợ chồng không có tình cảm, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu cầu bà N.

Sau ly hôn, ông T đồng ý để cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Bùi Nguyễn Kha L, Bùi Gia K, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng).

Vì lý do ông T làm nghề tài xế đường dài nên ông không thể tham gia phiên toà, ông T xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn xin giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện, đề nghị toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con số tiền 4.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa: Trong quá trình giải quyết, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên toà không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Bị đơn ông Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ hai lần, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Như N và ông Bùi Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn xã HT, huyện (nay là thị xã) Đông Hoà

theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, cấp ngày 09/7/2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông T đã rạn nứt do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa bà N và ông T ngày càng trầm trọng; bà N xin ly hôn nhưng ông T không muốn níu kéo, ông T yêu cầu được ly hôn và có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, giữa bà N và ông T không ai còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng của hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Như N được ly hôn với ông Bùi Văn T, để đảm bảo các bên ổn định cuộc sống riêng.

[2.2] Về con chung: bà N và ông T có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Kha L (sinh ngày 27/3/2014) và Bùi Gia K (sinh ngày 05/01/2017). Sau ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi 02 con chung và ông T đồng ý. Xét thấy, bà N có sức khoẻ, có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo cho sự nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận giữa bà N và ông T về việc giao 02 con cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Bùi Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: sau ly hôn, bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng), được ông T đồng ý; và tới thời điểm xét xử ông T vẫn không có văn bản nào thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự định đoạt của đương sự, hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu Bùi Nguyễn Kha L (sinh ngày 27/3/2014) và Bùi Gia K (sinh ngày 05/01/2017) mỗi tháng 4.000.000 đồng, tương ứng mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2022 cho đến khi phát sinh một trong những căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu toà giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn, ông T chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như N.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Như N được ly hôn ông Bùi Văn T.

2. Về con chung: giao 02 con chung tên Bùi Nguyễn Kha L (sinh ngày 27/3/2014) và Bùi Gia K (sinh ngày 05/01/2017) cho bà Nguyễn Thị Như N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Bùi Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: ông Bùi Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Bùi Nguyễn Kha L (sinh ngày 27/3/2014) và Bùi Gia K (sinh ngày 05/01/2017) mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), tương ứng 2.000.000 đồng/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2022 cho đến khi phát sinh một trong những căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Bà Nguyễn Thị Như N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0006390 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, đã nộp đủ.

5.2. Ông Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã HT;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hữu Duyên